TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TU MƠ RÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày: 24/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Vơn và ông A Linh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thẩm tra viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/HSST - QĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2023/QĐHPT-HS ngày 19/5/2003 đối với bị cáo:

Y D, sinh năm 2003 tại Kon Tum; Nơi đăng ký NKTT: Thôn Kon Hia 1, xã Đăk Rơ Ông, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Xê đăng; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt nam; Con ông A B và bà Y DRêO; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/3/2023 đến nay - Có mặt.

Bị hại: Anh Stê Pa Đ, sinh năm 1995 - Có đơn xin vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Ngọc B và chị Võ Thị Bích N - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Y D bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 15/11/2022 đi ngang qua nhà A L, trú tại thôn Kon Hia 1, xã Đăk Rơ Ông, huyện Tu Mơ Rông nhìn thấy 01 xe mô tô BKS 36G1 – 192.20 dựng trước sân nhà. Lợi dụng đêm khuya mọi người trong nhà đi ngủ hết. Y D đã tự nối dây điện nổ máy và điều khiển xe đi đến xã Đăk Sao, huyện Tu Mơ Rông để cất dấu. Đến khoảng 9 giờ sáng cùng ngày Y D điều

khiển xe quay trở lại xã Đăk Rơ Ông thì bị Stê Pa Đ phát hiện và báo Công an xã Đăk Rơ Ông bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 05/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tu Mơ Rông xác định: Xe mô tô BKS 36G1 - 192.20 có giá trị 2.333.000đ.

Cáo trạng số 05/CT - VKS ngày 14/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông truy tố bị cáo Y D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Y D từ 06 đến 09 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện VKS. Tuy nhiên, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật hạn chế. Chỉ vì không có phương tiện đi lại nên đã trộm cắp xe để làm phương tiện đi lại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo, xử phạt bị cáo 06 tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tu Mơ Rông, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo, bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện: Bị cáo Y D đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút trộm cắp xe mô tô có giá trị 2.333.000đ mang đi cất dấu. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cầu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của

bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông đã truy tố.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận, trước đó đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô 82E1 – 096.66 cũng của anh Stê Pa Đ nhưng thời gian thực hiện hành vi không liên tục và trị giá tài sản chưa đủ định lượng nên không bị xem xét trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra Công an huyện Tu Mơ Rông đã xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tuy nhiên bị cáo đã không hực hiện cam kết, không có mặt theo yêu cầu của cơ quan điều tra; tự ý bỏ đi khỏi nơi cơ trú mà không báo chính quyền địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra nên đã bị áp dụng biện pháp tạm giam. Điều này chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, không chấp hành sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Y D Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo, xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và mức án đề nghị tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Xe mô tô bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn toàn

bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Y D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Y D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (21/3/2023)

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Xe mô tô là tài sản trộm cắp đã được trả cho chủ sở hữu, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Y D.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2023). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo*
- *Bị hại*
- *Người có QLNV liên quan;*
- *VKSND huyện Tu Mơ Rông*
- *VKS ND tỉnh Kon Tum*
- *TAND tỉnh Kon Tum*
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng*
- *Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum*
- *CA huyện Tu Mơ Rông.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Chu Thị Châu